TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022
V/v "t/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Phùng Trường Thọ

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Huỳnh Anh Huy

2. Bà Nguyễn Châu Kim Ngân

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An

Ngày 08 và ngày 12/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST - DS ngày 22/02/2022 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 23/2022/QĐXXST - DS ngày 25/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà ĐTV, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp Đông Hòa, xã Thủy Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông TNTL, sinh năm 1975

- Bà NNT, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Ấp Đông Hòa, xã Thủy Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

(Bà Vui có mặt; bà Thủy và ông Lâm có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại phiên Tòa, nguyên đơn bà ĐTV trình bày yêu cầu khởi kiện: Năm 2021, bà Vui cho ông Lâm và bà Thủy vay nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 20/9/2021, bà Vui cho ông Lâm và bà Thủy là vợ chồng vay 290.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 9/11/2021, lãi suất 1%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông Lâm và bà Thủy không trả gốc và lãi cho bà Vui nên bà Vui khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm và bà Thủy liên đới trả 290.000.000đ gốc và lãi suất tính từ 20/9/2021 đến 20/01/2022 là 04 tháng, thành tiền 11.600.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Vui yêu cầu ông Lâm và bà Thủy trả là 301.600.000đ.

Lần thứ hai: Ngày 04/11/2021, bà Vui cho ông Lâm và bà Thủy là vợ chồng vay 108.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông Lâm và bà Thủy không trả gốc và lãi cho bà Vui nên bà Vui khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm và bà Thủy liên đới trả 108.000.000đ gốc và lãi suất tính từ 04/11/2021 đến 04/01/2022 là 02 tháng, thành tiền 2.160.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Vui yêu cầu ông Lâm và bà Thủy trả là 110.160.000đ.

Lần thứ ba: Ngày 10/11/2021, bà Vui cho ông Lâm và bà Thủy là vợ chồng vay 110.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông Lâm và bà Thủy không trả gốc và lãi cho bà Vui nên bà Vui khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm và bà Thủy liên đới trả 110.000.000đ gốc và lãi suất tính từ 10/11/2021 đến 10/01/2022 là 02 tháng, thành tiền 2.200.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Vui yêu cầu ông Lâm và bà Thủy trả là 112.200.000đ.

Lần thứ tư: Ngày 30/11/2021, bà Vui cho ông Lâm và bà Thủy là vợ chồng vay 280.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 1%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông Lâm và bà Thủy không trả gốc và lãi cho bà Vui nên bà Vui khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm và bà Thủy liên đới trả 280.000.000đ gốc và lãi suất tính từ 30/11/2021đến 30/01/2022 là 02 tháng, thành tiền 5.600.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Vui yêu cầu ông Lâm và bà Thủy trả là 285.600.000đ.

Như vậy, tổng cộng gốc của bốn lần vay 290.000.000đ + 108.000.000đ + 110.000.000đ + 280.000.000đ = 788.000.000đ; lãi suất của bốn lần vay 11.600.000đ + 2.160.000đ + 2.200.000đ + 5.600.000đ = 21.560.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Vui yêu cầu ông Lâm và bà Thủy liên đới trả cho bà Vui là 809.560.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vui cung cấp: Hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2021; hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2021; hợp đồng vay tiền ngày 10/11/2021; hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2021 (Tất cả bản chính).

- *Bị đơn bà NNT trình bày*: Bà Thủy và ông Lâm là vợ chồng hiện đang sống chung. Bà Thủy thừa nhận vào năm 2020 bà Thủy vay của bà Vui 170.000.000đ cũng như từ năm 2018 đến năm 2021 bà Thủy có làm chủ nhiều dây hụi có bà Vui tham gia với tư cách là hụi viên và bà Thủy còn nợ lại bà Vui 508.000.000đ tiền hụi. Tổng cộng số tiền vay và hụi, bà Thủy nợ bà Vui là 678.000.000đ. Nay, bà Vui khởi kiện yêu cầu bà Thủy và ông Lâm liên đới trả tổng cộng gốc và lãi của 04 lần vay là 809.560.000đ thì bà Thủy không đồng ý. Bà Thủy chỉ đồng ý một mình bà Thủy trả tổng cộng tiền vay và hụi là 678.000.000đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn xin trả dần mỗi

tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ. Bà Thủy thừa nhận chữ ký và viết họ tên NNT vào các hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2021, hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2021, hợp đồng vay tiền ngày 10/11/2021, hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2021 là do bà Thủy ký và viết họ tên nhưng khi viết thì chưa đề nội dung vào các phần bỏ trống. Bốn hợp đồng vay tiền trên là kết nợ tiền hụi giữa bà Thủy với bà Vui chứ không phải tiền vay. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thủy cung cấp: Danh sách hụi 10.000.000đ mở vào ngày 25/02/2018 âm lịch; danh sách hụi tháng 1.000.000đ mở vào ngày 10/9/2019 âm lịch; danh sách hụi tháng 3.000.000đ mở vào ngày 29/1/2020 AL; danh sách hụi mùa 10.000.000đ mở vào ngày 20/02/2020 âm lịch; danh sách hụi tháng 3.000.000đ mở vào ngày 20/4/2020 âm lịch; danh sách hụi tháng 2.000.000 mở vào ngày 7/6/2020 âm lịch; danh sách hụi tháng 5.000.000đ mở vào ngày 09/8/2020 âm lịch; danh sách hụi tháng 3.000.000đ mở vào ngày 17/9/2020 âm lịch; danh sách hụi tuần thứ bảy 500.000 ngày 20/11/2020; danh sách hụi tháng 3.000.000đ mở vào ngày 30/11/2020 âm lịch; danh sách hụi tháng 5.000.000đ mở ngày 26/12/2020 âm lịch; danh sách hụi tuần thứ 7 (2.000.000đ) mở ngày 09/01/2021 âm lịch; danh sách hụi 1.000.000đ mở ngày 25/01/2021 (Tất cả bản phô tô).

- Bị đơn, ông TNTL vắng mặt tại các phiên hòa giải nhưng tại phiên Tòa trình bày: Ông Lâm và bà Thủy là vợ chồng, hiện đang sống chung. Nay, bà Vui khởi kiện yêu cầu bà Thủy và ông Lâm liên đới trả tổng cộng gốc và lãi của bốn lần vay là 809.560.000đ thì ông Lâm không đồng ý. Ông Lâm chỉ đồng ý cùng bà Thủy trả tổng cộng tiền vay và hụi là 678.000.000đ nhưng do ông Lâm nợ Ngân hàng và nhiều người khác, khi nào ông Lâm trả hết nợ cho Ngân hàng và những người khác thì mới trả cho bà Vui. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm không cung cấp cho Tòa án tài liệu hay chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp là hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà ĐTV: Bà Vui khởi kiện yêu cầu bà Thủy và ông Lâm liên đới trả bốn lần tiền vay gốc với số tiền 788.000.000đ và lãi suất của bốn lần vay là 21.560.000đ. Tổng cộng gốc và lãi mà bà Vui yêu cầu ông Lâm và bà Thủy liên đới trả cho bà Vui là 809.560.000đ thì bà Thủy không đồng ý. Bà Thủy chỉ đồng ý một mình bà Thủy trả tổng cộng tiền vay và

hụi là 678.000.000đ cho bà Vui và mỗi tháng trả 500.000đ cho đến khi hết nợ. Bà Thủy cho rằng bà Thủy chỉ vay của bà vui 170.000.000đ và còn nợ hụi bà Vui là 508.000.000đ. Tổng cộng số tiền vay bà hụi, bà Thủy nợ bà Vui là 678.000.000đ được bà Vui thừa nhận nhưng bà Vui cho rằng dây là mối quan hệ khác, bà Vui không khởi kiện về tranh chấp hụi và số tiền vay 170.000.000đ trong vụ án này. Bà Vui chỉ tranh chấp và khởi kiện bà Thủy và ông Lâm bốn lần vay với tổng số tiền nợ gốc và lãi là 809.560.000đ. Bà Thủy cho rằng các giấy vay mà bà Thủy ký tên với bà Vui là giấy kết nợ hụi là không có căn cứ, bởi vì: Căn cứ vào các hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2021, hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2021, hợp đồng vay tiền ngày 10/11/2021, hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2021 thể hiện tên tiêu đề là hợp đồng vay tài sản được đánh máy thể hiện rõ ràng bên cho vay và bên vay. Bà Thủy biết đọc, biết viết và việc bà Thủy ký tên cũng như ghi họ tên vào các hợp đồng vay vào các ngày khác nhau nên không thể là giấy kết nợ hụi như bà Thủy trình bày mà phải là hợp đồng vay tài sản riêng biệt như lời trình bày của bà Vui. Do đó bà Thủy phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi suất được ghi trong bốn hợp đồng vay tài sản trên.

[3] Về nghĩa vụ liên đới: Bà Vui yêu cầu bà Thủy cùng chồng bà Thủy là ông Lâm liên đới trả nợ vay thì bà Thủy và ông Lâm không đồng ý. Bà Thủy cho rằng bà Thủy không vay bốn lần vay như bà Vui trình bày. Việc bà Thủy mở hụi chỉ có một mình bà Thủy biết, không liên quan gì tới ông Lâm. Do bà Thủy và ông Lâm là vợ chồng hiện đang sống chung, mục đích của việc vay tiền là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên ông Lâm phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Thủy trả bốn lần vay cho bà Vui.

[4] Về thời gian tính lãi, mức lãi suất: Bà ĐTV yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1%/tháng là đúng như mức thỏa thuận lãi suất của các lần vay được ghi trong hợp đồng vay tiền. Về thời gian tính lãi của từng lần vay lần lượt 04 tháng, 02 tháng, 02 tháng, 02 tháng là trong khoảng thời gian bà Thủy vi phạm thời hạn trả nợ gốc cho bà Vui là phù hợp với Điều 440 và 468 Bộ luật dân sự nên bà Thủy và ông Lâm phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho bà Vui như mức lãi suất và thời gian tính lãi theo yêu cầu của bà Vui.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ĐTV đối với bà NNT và ông TNTL.

[5]Về án phí: Bà NNT và ông TNTL phải chịu 36.000.000đ + (9.560.000đ x 3%) = 36.286.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà ĐTV không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Vui 18.143.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010887 ngày 22/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ĐTV đối với bà NNT và ông TNTL.

Buộc bà NNT và ông TNTL có nghĩa vụ liên đới trả cho bà ĐTV 788.000.000đ tiền gốc và 21.560.000đ tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 809.560.000đ (Tám trăm lẻ chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà NNT cùng ông TNTL phải chịu 36.286.800đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà ĐTV không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Vui 18.143.000đ (Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010887 ngày 22/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Thạnh Hóa;*
- *Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Phùng Trường Thọ